

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HS-PT

Ngày: 06/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Trang Thu

- Ông Lương Phước Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Võ Thị Thu H, do có kháng cáo của bị cáo H và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kiều T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HSST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Thu H, sinh năm 1978 tại C, Cần Thơ.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phước Lộc, xã P, huyện C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Ấp Phước Lộc, xã P, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ (sinh năm: 1931- chết) và bà Phan Thị N (sinh năm: 1936 - chết); anh chị em: 06 người; có chồng là Trần Văn A và 04 người con (con lớn sinh năm 1997; con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Luật sư **Nguyễn Trường Thành** – Văn phòng Luật sư Vạn Lý, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:

Chị **Huỳnh Thị Kiều T**, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Thạnh Hưng, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 Huỳnh Thị Kiều T tham gia chơi nhiều dây hụi do Võ Thị Thu H làm chủ hụi. Do không có khả năng đóng hụi nên T và chồng là Huỳnh Công V đã vay tiền của H nhiều lần với lãi suất 30%/tháng nên đã vượt mức 05 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (tương đương 1,667%/tháng), cụ thể:

- Đợt 1: Từ ngày 01/01/2020 (âm lịch) đến ngày 27/4/2020 (âm lịch). Vay nhiều lần với tổng số tiền 652.100.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Tính đến ngày 27/5/2020 (âm lịch) tổng số tiền lãi phải trả là 791.800.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 01/01/2020, V vay 30.000.000 đồng. Thời gian vay là 176 ngày và tiền lãi là 52.800.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 2.956.800 đồng, gấp 05 lần là 14.784.000 đồng.

+ Ngày 04/01/2020, T vay 250.000.000 đồng. Thời gian vay là 173 ngày và tiền lãi là 432.500.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 24.220.000 đồng, gấp 05 lần là 121.100.000 đồng.

+ Ngày 24/01/2020, T vay 150.000.000 đồng. Thời gian vay là 156 ngày và tiền lãi là 234.000.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 13.104.000 đồng, gấp 05 lần là 65.520.000 đồng.

+ Ngày 06/4/2020 (nhuận hai tháng 4), T vay 8.300.000 đồng. Thời gian vay là 51 ngày và tiền lãi là 4.080.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 237.048 đồng, gấp 05 lần là 1.185.000 đồng.

+ Ngày 17/4/2020, T vay 26.000.000 đồng. Thời gian vay là 40 ngày và tiền lãi là 10.400.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 582.400 đồng, gấp 05 lần là 2.912.000 đồng.

+ Ngày 22/4/2020, T vay 32.800.000 đồng. Thời gian vay là 36 ngày và tiền lãi là 11.520.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 661.248 đồng, gấp 05 lần là 3.306.240 đồng.

+ Ngày 27/4/2020, T vay 155.000.000 đồng. Thời gian vay là 30 ngày và tiền lãi là 46.500.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 2.604.000 đồng, gấp 05 lần là 13.020.000 đồng.

Ngày 27/5/2020 (âm lịch), T hốt hui và trả cho H được số tiền gốc 652.100.000 đồng, số tiền lãi 83.050.000 đồng. Do vậy, T còn nợ H lại số tiền lãi là 708.750.000 đồng, nhưng H chỉ tính 708.050.000 đồng.

Số tiền 708.050.000 đồng, H làm thành gốc và tiếp tục tính lãi cũng với lãi suất 30%/tháng. Tính từ ngày 27/5/2020 đến ngày 16/7/2020 (âm lịch) số tiền lãi là 354.025.000 đồng nhưng H chỉ tính 354.000.000 đồng. Tổng cộng T, V thiếu H 1.062.050.000 đồng (708.050.000đ + 354.000.000đ). Trong ngày 16/7/2020, T hốt hui của H và vay thêm tiền của Phan Thị Thu Giang nên T đã trả cho H được 497.580.000 đồng, còn nợ lại 564.470.000 đồng.

Số tiền 564.470.000 đồng, H làm thành gốc và tiếp tục tính lãi cũng với lãi suất 30%/tháng. Tính từ ngày 16/7/2020 đến ngày 24/9/2020 (âm lịch) số tiền lãi là 392.000.000 đồng.

- Đợt 2: Từ ngày 22/7/2020 (âm lịch) đến ngày 06/9/2020 (âm lịch). Vay nhiều lần với tổng số tiền 293.630.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Tính đến ngày 24/9/2020 (âm lịch) tổng số tiền lãi phải trả là 119.430.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 22/7/2020, T vay 33.000.000 đồng. Thời gian vay là 63 ngày và tiền lãi là 20.790.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 1.164.240 đồng, gấp 05 lần là 5.821.200 đồng.

+ Ngày 27/7/2020, T vay 100.000.000 đồng. Thời gian vay là 58 ngày và tiền lãi là 58.000.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 3.248.000 đồng, gấp 05 lần là 16.240.000 đồng.

+ Ngày 27/8/2020, T vay 100.000.000 đồng. Thời gian vay là 28 ngày và tiền lãi là 28.000.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 1.568.000 đồng, gấp 05 lần là 7.840.000 đồng.

+ Ngày 02/9/2020, T vay 31.650.000 đồng. Thời gian vay là 23 ngày và tiền lãi là 7.279.500 đồng nhưng H chỉ lấy 7.130.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 407.652 đồng, gấp 05 lần là 2.038.260 đồng.

+ Ngày 06/9/2020, T vay 28.980.000 đồng. Thời gian vay là 19 ngày và tiền lãi là 5.506.200 đồng nhưng H làm tròn là 5.510.000 đồng. So với tiền lãi theo quy định là 308.351 đồng, gấp 05 lần là 1.541.755 đồng.

Tổng số tiền lãi tính từ ngày 16/7/2020 đến ngày 24/9/2020 (âm lịch) là 1.075.900.000 đồng (564.470.000đ + 392.000.000đ + 119.430.000đ). Từ ngày

24/9 đến ngày 25/9/2020 (âm lịch) T hốt hui và trả cho H được 03 lần với tổng số tiền 361.680.000 đồng. Còn nợ lại số tiền lãi 714.220.000 đồng (nhưng trên giấy nợ H ghi 743.020.000 đồng) và tiền gốc 293.630.000 đồng. Từ ngày 24/9/2020 H ngưng tính lãi. Ngày 15/10/2020 (âm lịch), T hốt hui và trả cho H được 112.420.000 đồng.

Những lần T, V vay tiền của H và trả lãi, H có ghi giấy đưa cho T (tổng cộng là 12 tờ giấy).

Tại bản kết luận giám định số: 78/KLGD-PC09 ngày 07/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12 so với chữ viết của Võ Thị Thu H trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Như vậy, từ ngày 01/01/2020 (âm lịch) đến ngày 06/9/2020 (âm lịch), T và V đã vay của H tổng số tiền gốc 945.730.000 đồng, đã trả 652.100.000 đồng, còn nợ 293.630.000 đồng. Tổng số tiền lãi phải trả đến ngày 24/9/2020 là 1.656.530.000 đồng, đã trả 1.054.730.000 đồng, còn nợ 601.800.000 đồng. Việc H cho vay với lãi suất 30%/tháng đã vượt mức 05 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (tương đương 1,667%/tháng) và số tiền thu lợi bất chính 1.003.668.261 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HSST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo **Võ Thị Thu H** phạm tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Buộc bị cáo Võ Thị Thu H nộp số tiền gốc 652.100.000 đồng và số tiền lãi 51.061.739 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Huỳnh Công V nộp số tiền gốc 293.630.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Võ Thị Thu H trả lại chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Huỳnh Công V số tiền lãi 1.003.668.261 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm,

- Ngày 19/01/2022 bị cáo Võ Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa án sơ thẩm không buộc bị cáo trả số tiền là 1.003.668.261 đồng cho chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Huỳnh Công V; và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thay cho hình phạt tù.

- Ngày 24/01/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Huỳnh Thị Kiều T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Mức xử phạt tù đối với bị cáo H là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi của bị cáo; việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T và chồng là anh Huỳnh Công V phải nộp số tiền 293.630.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước là chưa phù hợp với pháp luật, chưa phù hợp với hoàn cảnh gia đình của anh chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

+ Xét kháng cáo của bị cáo H, nhận thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, hiện còn đang trong độ tuổi lao động, là người có trình độ văn hóa, hiểu biết pháp luật, hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự của bị cáo đã vi phạm pháp luật được điều chỉnh trong Bộ luật hình sự, hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi của mình gây ra.

Hành vi của bị cáo đã bị phát hiện, ngăn chặn kịp thời và đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhằm cảnh tỉnh, phòng ngừa và trừng trị kịp thời hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn thành phố Cần Thơ nói chung và huyện C nói riêng, tạo mối quan hệ giao dịch dân sự

bình đẳng, trong lành và theo quy định của pháp luật; cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và tuyên mức hình phạt 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vừa trừng trị riêng và giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với việc bị cáo H nộp số tiền 100.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án để phần nào khắc phục hậu quả, tuy nhiên tình tiết giảm nhẹ này đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng;

Về số tiền lãi tạm tính là 1.003.668.261 đồng mà cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải trả lại cho vợ chồng chị T anh V là phù hợp, bởi căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã cho thấy mỗi lần chị T hốt hụi thì bị cáo đều trừ vào số tiền lãi cho vay.

Việc Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại là không có căn cứ và trái với ý kiến của bị cáo là không yêu cầu hủy án sơ thẩm mà xin Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thay cho hình phạt tù, do đó Kiểm sát viên không tranh luận.

+ Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Kiều T: Tại phiên tòa chị T đã rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, xét đây là ý kiến tự nguyện của chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: giữ y bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng*, trong số tiền mà bị cáo cho vợ chồng chị T vay là có tiền hụi và trong tiền hụi đã có lãi nhưng cấp sơ thẩm không xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

- *Bị cáo H tại phiên tòa*: thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, và giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo. Bị cáo không yêu cầu hủy án sơ thẩm như ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo, mà xin được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thay cho hình phạt tù, và xin không phải hoàn trả lại số tiền 1.003.668.261 đồng cho vợ chồng chị T; Đồng thời, bị cáo có cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 biên lai thu số tiền 100.000.000 đồng của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bị cáo trình bày là để phần nào khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bị cáo cũng thừa nhận là mỗi lần chị T hốt hụi thì bị cáo đều trừ vào số tiền lãi đã cho vợ chồng chị T vay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án - chị T tại phiên tòa:* đã rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu H, và của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan chị Huỳnh Thị Kiều T trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Thu H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, cho thấy:

Chị Huỳnh Thị Kiều T có tham gia chơi các dây hụi do bị cáo H làm chủ hụi và không có tiền đóng hụi nên chị T và chồng là anh Huỳnh Công V đã vay của bị cáo 02 đợt và trả gốc, lãi cụ thể như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 01/01/2020 (âm lịch) đến ngày 27/4/2020 (âm lịch). Vay nhiều lần với tổng số tiền 652.100.000 đồng, lãi suất cho vay 30%/tháng. Tính đến ngày 27/5/2020 (âm lịch) tổng số tiền lãi là 791.800.000 đồng. Ngày 27/5/2020 chị T và anh V trả tiền gốc được 652.100.000 đồng và tiền lãi 83.050.000 đồng, còn nợ lại tiền lãi 708.750.000 đồng nhưng bị cáo chỉ tính 708.050.000 đồng. Số tiền lãi 708.050.000 đồng bị cáo làm thành gốc tiếp tục tính lãi cũng với lãi suất 30%/tháng. Tính đến ngày 16/7/2020 tiền lãi là 354.025.000 đồng nhưng bị cáo chỉ tính 354.000.000 đồng. Tổng số tiền chị T và anh V phải trả là 1.062.050.000 đồng (708.050.000đ + 354.000.000đ). Trong ngày 16/7/2020, chị T đã trả cho bị cáo được 497.580.000 đồng, còn nợ lại 564.470.000 đồng. Số tiền 564.470.000 đồng, bị cáo tiếp tục tính lãi cũng với lãi suất 30%/tháng. Tính đến ngày 24/9/2020 (âm lịch) tiền lãi là 392.000.000 đồng.

- Đợt 2: Từ ngày 22/7/2020 (âm lịch) đến ngày 06/9/2020 (âm lịch). Chị T vay nhiều lần với tổng số tiền 293.630.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Tính đến ngày 24/9/2020 (âm lịch) tổng số tiền lãi là 119.430.000 đồng.

Trong ngày 24 và 25/9/2020 (âm lịch) chị T và anh V trả cho bị cáo 361.680.000 đồng lãi, đến ngày 15/10/2020 (âm lịch) trả 112.420.000 đồng lãi. Tổng cộng vợ chồng chị T trả cho bị cáo được 474.100.000 đồng tiền lãi; Từ ngày 24/9/2020 bị cáo ngưng tính lãi đối với tất cả các khoản tiền còn nợ.

Tổng số tiền vay của 02 đợt là 945.730.000 đồng và tổng số tiền lãi phải trả là 1.656.530.000 đồng. Chị T và anh V đã trả cho bị cáo được tiền gốc là 652.100.000 đồng và tiền lãi là 1.054.730.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 293.630.000 đồng và tiền lãi là 601.800.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo H đã cho chị T và anh V vay với lãi suất 30%/tháng với số tiền lãi thu được là 1.054.730.000 đồng, như vậy là đã vượt 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (tương đương 1,667%/tháng). Với mức lãi suất 1,667%/tháng thì số tiền lãi mà vợ chồng chị T phải trả cho bị cáo chỉ là 51.061.739 đồng, tính gộp 05 lần là 255.308.695 đồng. Điều này cho thấy số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 1.003.668.261 đồng (1.054.730.000 đồng - 51.061.739 đồng = 1.003.668.261 đồng). Như vậy, đã đủ căn cứ xác định bị cáo H cho vợ chồng chị T vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, và số tiền thu lợi bất chính là 1.003.668.261 đồng.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bản thân bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đang trong độ tuổi lao động, có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật, bị cáo nhận thức và biết rõ hành vi cho vay với lãi suất cao như phân tích trên bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì háo lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu sự chế tài của pháp luật hình sự Việt Nam.

[3] Xét kháng cáo:

[3.1] Bị cáo H kháng cáo yêu cầu: không buộc bị cáo trả số tiền là 1.003.668.261 đồng cho chị T và anh V; và xin áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thay cho hình phạt tù. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp một Biên lai thu tiền thể hiện đã nộp số tiền 100.000.000 đồng tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ nhằm phần nào khắc phục hậu quả, tuy nhiên tình tiết giảm nhẹ này đã được cấp sơ thẩm xem xét

áp dụng tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, số tiền mà bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án là không lớn so với số tiền mà bị cáo cần phải khắc phục hậu quả; ngoài biên lai thu tiền trên ra thì bị cáo không còn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để được xem xét tình tiết giảm nhẹ khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra trong thời gian dài, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, số tiền thu lợi bất chính lên đến 1.003.668.261 đồng là hoàn toàn đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo;

Hiện nay tình hình cho vay nặng lãi đang diễn biến hết sức phức tạp tại địa phương huyện C nói riêng và cả nước nói chung. Do đó, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, và việc kiên quyết trong đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này, vì vậy cần tuyên buộc bị cáo chịu hình phạt tù có thời hạn là có căn cứ. Xét mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đối với số tiền 1.003.668.261 đồng là tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ vợ chồng chị T, anh V nên buộc bị cáo phải trả lại cho vợ chồng chị T là phù hợp, bởi vì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của bị cáo đã chứng minh được mỗi lần chị T hốt hụi thì bị cáo đều trừ vào số tiền lãi đã cho vay. Do đó, việc bị cáo kháng cáo xin không trả lại số tiền này cho chị T anh V là không có cơ sở để xem xét.

Việc Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng, số tiền mà bị cáo cho vợ chồng chị T vay thì trong đó có tiền hụi, do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Xét thấy, ý kiến bào chữa của Luật sư là không có căn cứ để chấp nhận và trái với yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Bởi lẽ, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp với lời khai của của bị cáo từ quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H đều thừa nhận số tiền mà bị cáo cho vợ chồng chị T vay là tiền mặt, cũng như việc bị cáo đã lấy số tiền chị T hốt hụi được để cản trừ vào tiền lãi như đã phân tích trên.

[3.2] Xét việc chị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo cho rằng mức xử phạt tù đối với bị cáo H là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi của bị cáo; và không đồng ý nộp số tiền 293.630.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị T đã rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo của mình. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị T.

Từ những phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu H

1. Tuyên bố: Bị cáo **Võ Thị Thu H** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Buộc bị cáo Võ Thị Thu H nộp số tiền gốc 652.100.000 đồng và số tiền lãi 51.061.739 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Huỳnh Công V nộp số tiền gốc 293.630.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Võ Thị Thu H trả lại chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Huỳnh Công V số tiền lãi 1.003.668.261 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kiều T là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan do chị T đã rút toàn bộ kháng cáo.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo Võ Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng Huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu.

(Đã ký)

Trương Thị Liên

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang Thu

Lương Phước Đại

Trương Thị Liên

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng quận Ô Môn;
- UBND xã Tân An Thạnh, H. Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Dũng